|  |
| --- |
| **Phụ lục 4** |
| *(Kèm theo Công văn số: 478****/*** *LĐTBXH-TE ngày 28 /02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)* |
| **THỐNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT** |
| ***Tỉnh/thành phố:……………………………*** |
|  |  |  |  |  |  |  | Mẫu số 03/TE |  |
|  |  |  |  |  |  |  | Kỳ báo cáo: 2 lần/năm |  |
|  |  |  |  |  |  |  | Ngày báo cáo: 25/5 và 20/11 |

| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số trẻ em** | **Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp** | **Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước** | **Trợ giúp của Nhà nước** | **Trợ giúp bằng các hình thức khác** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
| **Trợ giúp xã hội** | **Trợ giúp y tế** | **Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp** | **Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn** |
| Người | % | Người | Người | Người | Người | Người | Người |
| a | b | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 9 |
| **I** | **Dân số trẻ em** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Trẻ em dưới 16 tuổi |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Trong đó: |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.1 | Nam |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.2 | Nữ |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.3 | Dân tộc: |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  - Dân tộc Kinh |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  - Dân tộc khác |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **II** | **Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.1 | Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ không có người chăm sóc |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.2 | Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nuôi dưỡng trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở trợ giúp xã hội |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.3 | Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với người thân thích |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1.4 | Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Trẻ em bị bỏ rơi |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2.1 | Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp xã hội |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2.2 | Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc thay thế bởi cá nhân và gia đình |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3 | Trẻ em không nơi nương tựa |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.1 | Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.2 | Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.3 | Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.4 | Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.5 | Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.6 | Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.7 | Trẻ em có cả cha và mẹ không còn khả năng chăm sóc trẻ em |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.8 |  Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.9 |  Trẻ em có cả cha và mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.10 | Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.11 | Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ trong độ tuổi trẻ em |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.12 | Trẻ em có cả cha và mẹ bị hạn chế quyền làm cha mẹ hoặc tạm thời cách ly khỏi cha hoặc mẹ theo quy định của pháp luật |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.13 | Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người thân thích |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.14 | Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người không thân thích |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.15 | Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 4 | Trẻ em khuyết tật |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 4.1 | Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 4.2 | Trẻ em khuyết tật nặng |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 4.3 | Trẻ em khuyết tật nhẹ |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 4.4 | Các dạng tật |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  -Trẻ em khuyết tật vận động |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  -Trẻ em khuyết tật nghe, nói |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  -Trẻ em khuyết tật nhìn |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  -Trẻ em khuyết tật thần kinh, tâm thần |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  -Trẻ em khuyết tật trí tuệ |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  -Trẻ em khuyết tật khác |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  + Trong đó: Trẻ em tự kỷ |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 5 | Trẻ em nhiễm HIV/AIDS |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 5.1 | Sống với cha mẹ, người thân thích |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 5.2 | Được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cá nhân, gia đình không phải người thân thích |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 6 | Trẻ em vi phạm pháp luật |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 6.1 | Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  -Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giáo dục tại xã, phường, thị trấn  |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  -Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 6.2 | Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tư pháp |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  - Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  - Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 6.3 | Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  - Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  - Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù nhưng được hưởng án treo |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 7 | Trẻ em nghiện ma túy |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 7.1 | Trẻ em nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 7.2 |  Trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 8 | Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 8.1 | Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phố cập giáo dục trung học cơ sở không có người chăm sóc |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 8.2 | Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ hoặc có người chăm sóc |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 9 | Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 10 | Trẻ em bị bóc lột |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 10.1 | Trẻ em đang tham gia lao động trái quy định của pháp luật về lao động |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 10.2 | Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trình diễn hoặc bị sử dụng trong sản xuất các sản phẩm khiêu dâm |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 10.3 | Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động du lịch tình dục |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 10.4 | Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trục lợi khác |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 10.5 | Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ chất gây nghiện và các hàng hóa khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 11 | Trẻ em bị xâm hại tình dục |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 11.1 | Trẻ em bị hiếp dâm |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 11.2 | Trẻ em bị cưỡng dâm |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 11.3 | Trẻ em bị giao cấu |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 11.4 | Trẻ em bị dâm ô |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 11.5 | Trẻ em bị sử dụng vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 12 | Trẻ em bị mua bán |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 12.1 | Trẻ em bị mua bán trở về sống với cha, mẹ hoặc người thân thích |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 12.2 | Trẻ em bị mua bán trở về được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 13 | Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 13.1 | Trẻ em thuộc hộ nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 13.2 | Trẻ em thuộc hộ cận nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 14 | Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 14.1 | Trẻ em là công dân Việt Nam di cư, lánh nạn trong nước chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 14.2 | Trẻ em có quốc tịch nước ngoài di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam không có người chăm sóc |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 14.3 | Trẻ em chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam. |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **III** | **Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt**  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Trong đó: Trẻ em sống trong gia đình nghèo |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS) |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3 | Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội (cha, mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV/AIDS, nghiện ma túy) |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 4 | Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 5 | Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 6 | Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên) |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 7 | Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **IV** | **Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác** |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Nhóm trẻ em có hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Trẻ em bị tai nạn thương tích  |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  2.1 | Số trẻ em bị tai nạn thương tích |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2.2 | Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  + Trong đó: Số trẻ em tử vong do đuối nước |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  Số trẻ em tử vong do tai nạn giao thông |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |  |  |  |  |  | …… ngày……… tháng…… năm……… |
| **Người lập biểu** |  |  |  |  | **Lãnh đạo phê duyệt** |
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* |  |  |  |  | *(Ký, ghi rõ họ tên)* |